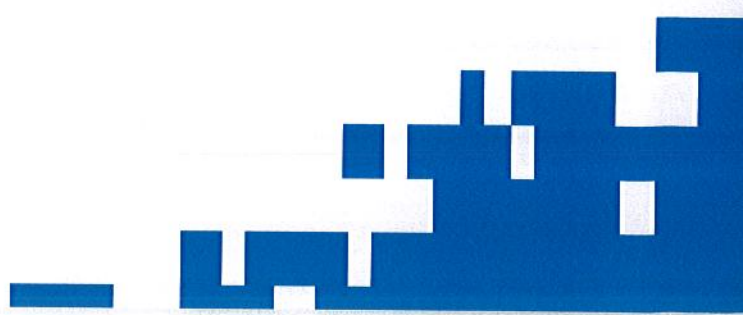




**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hào	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Thanh Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Nhị	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)
Ông Nguyễn Hồng Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/07/2025)
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)
Bà Tạ Thị Hồng Đào	Phó Tổng Giám đốc Điều hành (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)
Ông Ngô Tiến Mạnh	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 01/08/2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu Chế Xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

Số: 791/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 06 năm 2026 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**Lục Thị Văn****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1**Đỗ Thành Đạt****Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6288-2023-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2026	Tại ngày 01/04/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		609.435.423.176	388.018.115.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	39.017.930.843	11.229.033.875
1. Tiền	111		11.017.930.843	9.229.033.875
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	685.100.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	685.100.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		347.457.898.293	218.467.072.383
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	296.234.795.396	158.842.501.819
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.956.221.196	5.619.430.181
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	57.441.261.458	68.920.881.801
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(14.174.379.757)	(14.915.741.418)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	222.722.562.910	157.285.319.226
1. Hàng tồn kho	141		224.825.047.338	157.292.757.024
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.102.484.428)	(7.437.798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		237.031.130	351.589.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		130.896.772	349.688.583
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.723.203	978.203
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	104.411.155	923.179
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.233.408.978	145.011.001.129
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.501.715.499	28.961.032.803
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	25.401.748.465	19.155.005.465
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	5.000.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	10.254.972.499	10.306.027.338
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.6	(19.155.005.465)	(5.500.000.000)
II. Tài sản cố định	220		69.157.249.745	95.148.987.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	37.611.534.923	46.308.539.418
Nguyên giá	222		148.506.511.450	156.267.451.355
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.894.976.527)	(109.958.911.937)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	23.662.434.779	39.005.915.750
Nguyên giá	225		50.445.669.206	50.445.669.206
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.783.234.427)	(11.439.753.456)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	7.883.280.043	9.834.532.271
Nguyên giá	228		15.606.260.414	15.606.260.414
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.722.980.371)	(5.771.728.143)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.374.833.565	1.700.939.466
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	21.655.166
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.374.833.565	1.679.284.300
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	9.276.203.162	9.735.299.486
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.539.622.230	9.735.299.486
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.936.580.932	1.200.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.923.407.007	9.464.741.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.156.482.441	9.464.741.935
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.766.924.566	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		720.668.832.154	533.029.116.578

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2026	Tại ngày 01/04/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		555.399.769.470	378.799.567.313
I. Nợ ngắn hạn	310		518.780.275.907	335.675.556.420
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	87.043.844.804	31.093.316.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	40.662.306.594	22.889.368.368
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	9.668.497.426	4.971.123.751
4. Phải trả người lao động	314		13.396.477.939	6.992.897.746
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.381.038.047	3.043.242.717
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.105.343.468	6.453.265.926
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.314.711.895	5.746.151.523
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	358.208.055.734	252.837.099.491
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.649.090.857
II. Nợ dài hạn	330		36.619.493.563	43.124.010.893
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		177.334.333	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	30.592.423.292	40.173.057.484
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.835.641.909	2.903.795.762
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		14.094.029	47.157.647
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.269.062.684	154.229.549.265
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15.1	165.269.062.684	154.229.549.265
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.15.2	139.164.800.000	139.164.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		139.164.800.000	139.164.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.620.157.436	14.061.127.632
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		14.061.127.632	9.945.289.372
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.559.029.804	4.115.838.260
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		514.105.248	1.033.621.633
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		720.668.832.154	533.029.116.578



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	918.921.429.363	687.057.442.029
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		918.921.429.363	687.057.442.029
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	763.743.928.545	557.309.667.707
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.177.500.818	129.747.774.322
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.955.050.317	6.283.621.601
6. Chi phí tài chính	22	5.3	21.996.745.435	28.929.164.850
Trong đó, chi phí lãi vay	23		21.587.403.566	23.624.237.700
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		1.320.367.959	482.736.946
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	57.268.290.221	51.758.182.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	68.927.338.752	46.730.055.241
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.260.544.686	9.096.729.873
11. Thu nhập khác	31	5.6	11.411.609.480	10.163.685.936
12. Chi phí khác	32		7.963.599.543	9.102.369.068
13. Lợi nhuận khác	40		3.448.009.937	1.061.316.868
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.708.554.623	10.158.046.741
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	7.504.119.625	5.284.014.369
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.835.078.420)	551.925.018
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.039.513.418	4.322.107.354
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.559.029.804	4.115.838.260
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(519.516.386)	206.269.094
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	831	301
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	831	301



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.708.554.623	10.158.046.741
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	27.316.114.541	32.990.589.514
Các khoản dự phòng	03		14.125.575.582	(6.050.445.547)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(396.287.469)	(1.716.436.499)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(378.382.628)	1.929.769.237
Chi phí lãi vay	06	5.3	21.587.403.566	23.624.237.700
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		77.962.978.215	60.935.761.146
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(135.391.186.802)	75.045.364.169
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(69.885.468.713)	19.321.994.253
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		78.990.555.285	(112.860.194.024)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.527.051.307	(1.955.200.303)
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.989.546.932)	(23.701.076.140)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(4.945.952.315)	(3.679.947.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.731.569.955)	13.106.701.928
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.078.737.720)	(2.329.872.357)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15.555.558	10.994.288.645
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(5.685.100.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.685.100.000	6.623.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.828.920.000	200.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		119.961.601	1.318.103.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.570.799.439	11.120.419.488

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.018.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	783.534.674.254	576.938.410.194
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(672.855.726.603)	(597.538.670.017)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(15.495.447.987)	(21.237.340.330)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(32.244.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		95.183.499.664	(37.851.845.053)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		28.022.729.148	(13.624.723.637)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.229.033.875	25.023.074.308
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(233.832.180)	(169.316.796)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	39.017.930.843	11.229.033.875



Nguyễn Xuân Trường
 Tổng Giám đốc

Ngô Lê Việt Anh
 Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
 Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 26 vào ngày 11 tháng 07 năm 2025 để thay đổi thông tin địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.164.800.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: Tầng 3, CT1AB, khu đô thị VOV Mễ Trì - phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu tại Thành phố Đà Nẵng: Phòng 408, tầng 4, tòa nhà số 15 Quang Trung, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2026 là 223 (31/03/2025 là: 238).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2025, với định hướng tăng trưởng doanh thu được Ban lãnh đạo xây dựng ngay từ đầu năm, cùng với sự tăng tốc phát triển việc chuyển đổi số trong thời đại mới tại Việt Nam, Tập đoàn đã tích cực mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khả năng tiếp cận khách hàng và nâng cao năng lực triển khai dự án. Theo đó, Tập đoàn đã gia tăng số lượng và giá trị dự án thực hiện một cách đáng kể dẫn đến doanh thu và giá vốn tương ứng tăng mạnh so với năm trước.

1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; - Bán buôn và bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	88,89%	88,89%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	- Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy vi tính; - Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu	63/37b đường Tân Chánh Hiệp 34, Khu phố 17, phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	- Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thốngăng ten truyền hình và mạng viễn thông, thiết bị bảo vệ - báo động; - Hoạt động viễn thông có dây, hoạt động viễn thông không dây, cung cấp dịch vụ Internet.	Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%

1.8. Các công ty liên kết ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	833 Lê Hồng Phong, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%

Nguyên nhân ngừng hợp nhất quyền lợi là do Tập đoàn chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của công ty liên kết nêu trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2026. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 – 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mễ Trì, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 3 năm đến 4 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận từ chi phí phát hành cổ phiếu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.14. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ từ chuyển nhượng các khoản đầu tư và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí triển khai thực hiện hợp đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài (bảo lãnh, bảo hiểm tài sản,...) và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.17. Thuế (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Tiền mặt	168.628.560	35.536.420
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.849.302.283	9.193.497.455
Các khoản tương đương tiền (*)	28.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	39.017.930.843	11.229.033.875

(*) Tại ngày 31/03/2026, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình, Ngân hàng TMCP Quốc tế và Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất từ 3,20%/năm đến 4.75%.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/03/2026		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	5.951.546.944	7.368.845.725	6.631.393.955	7.772.693.646
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT (*)	1.960.000.000	170.776.505	1.960.000.000	170.776.505
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	-	-	1.875.000.000	1.791.829.335
Cộng	7.911.546.944	7.539.622.230	10.466.393.955	9.735.299.486

(*) Tập đoàn ngừng áp dụng giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết là Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT là do Tập đoàn chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của công ty liên kết này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026. Theo đó, giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31/03/2026 của công ty liên kết này không thay đổi so với số đầu năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

	Tại ngày 31/03/2026			Tại ngày 01/04/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	1.200.000.000		(1.200.000.000)	1.200.000.000		(1.200.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh	1.736.580.932		-	-		-
Cộng	<u>2.936.580.932</u>		<u>(1.200.000.000)</u>	<u>1.200.000.000</u>		<u>(1.200.000.000)</u>

(**) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm Mục 8	446.914.735	507.601.571
Phải thu khách hàng:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	62.200.233.504	26.544.739.060
Công ty TNHH Một Thành Viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	41.608.478.860	3.875.058.900
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	28.036.967.040	17.548.764.200
Công ty Honda Việt Nam	25.471.297.600	-
Các khách hàng khác (*)	138.470.903.657	110.366.338.088
Cộng	296.234.795.396	158.842.501.819

(*) Tại ngày 31/03/2026, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao (*)	19.155.005.465	19.155.005.465
Công ty TNHH Giải pháp Ecam	6.246.743.000	-
Cộng	25.401.748.465	19.155.005.465

(*) Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao. Trong năm nay, dự án xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương dừng thực hiện và điều chuyển sang Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) tiếp nhận dự án. Hiện tại, Tập đoàn đang làm việc với Ban quản lý dự án để triển khai các bước quyết toán hoàn thành. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc. Tập đoàn đã thực hiện trích lập dự phòng cho toàn bộ công nợ dài hạn này do có rủi ro về khả năng thu hồi.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/03/2026		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký quỹ bảo hành và chờ quyết toán công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	49.086.542.615	(10.844.617.857)	49.086.542.615	(10.844.617.857)
Ký cược, ký quỹ khác	195.027.716	-	438.816.806	-
Tạm ứng để thực hiện dự án kinh doanh	205.588.439	-	7.857.974.997	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.817.744.651	-	4.544.158.883	-
Phải thu khác	5.136.358.037	-	6.993.388.500	-
Cộng	<u>57.441.261.458</u>	<u>(10.844.617.857)</u>	<u>68.920.881.801</u>	<u>(10.844.617.857)</u>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ khác	10.254.972.499	-	10.306.027.338	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/03/2026		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, ký quỹ quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	71.598.596.181	38.269.210.959	72.356.422.186	51.940.680.768

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ký quỹ quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2026			Tại ngày 01/04/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	49.086.542.615	38.241.924.758	Trên 3 năm	49.086.542.615	38.241.924.758	Trên 3 năm
<i>Ký quỹ bảo hành và chờ quyết toán công trình</i>	<i>49.086.542.615</i>	<i>38.241.924.758</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>49.086.542.615</i>	<i>38.241.924.758</i>	<i>Trên 3 năm</i>
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao – Nợ phải thu dài hạn	19.155.005.465	-	Nợ dài hạn	19.155.005.465	13.655.005.465	Nợ dài hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	-		-	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	1.429.365.836	-	Trên 3 năm	1.429.365.836	-	Trên 3 năm
Khác	1.927.682.265	27.286.201	Từ 2 năm - trên 3 năm	2.685.508.270	43.750.545	Trên 3 năm
Cộng	71.598.596.181	38.269.210.959		72.356.422.186	51.940.680.768	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2026		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	41.955.453.525	(7.437.798)	18.225.425.835	(7.437.798)
Hàng gửi đi bán tại dự án	95.282.034.669	(2.095.046.630)	71.429.176.211	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	87.587.559.144	-	67.638.154.978	
Cộng	<u>224.825.047.338</u>	<u>(2.102.484.428)</u>	<u>157.292.757.024</u>	<u>(7.437.798)</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/04/2025	34.345.180.908	118.763.650.981	3.032.308.857	126.310.609	156.267.451.355
Mua trong năm	-	591.937.720	2.486.800.000	-	3.078.737.720
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.444.453.625)	-	-	(8.444.453.625)
Giảm khác	-	(2.395.224.000)	-	-	(2.395.224.000)
Tại ngày 31/03/2026	34.345.180.908	108.515.911.076	5.519.108.857	126.310.609	148.506.511.450
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/04/2025	17.608.813.930	90.008.008.909	2.310.425.321	31.663.777	109.958.911.937
Khấu hao trong năm	1.542.983.928	8.178.474.982	273.471.615	42.103.536	10.037.034.061
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.705.745.471)	-	-	(6.705.745.471)
Giảm khác	-	(2.395.224.000)	-	-	(2.395.224.000)
Tại ngày 31/03/2026	19.151.797.858	89.085.514.420	2.583.896.936	73.767.313	110.894.976.527
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/04/2025	16.736.366.978	28.755.642.072	721.883.536	94.646.832	46.308.539.418
Tại ngày 31/03/2026	15.193.383.050	19.430.396.656	2.935.211.921	52.543.296	37.611.534.923

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 15.193.383.061 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.057.654.621 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Nguyên giá	50.445.669.206	-	-	50.445.669.206
Giá trị hao mòn lũy kế	(26.783.234.427)	(15.343.480.971)	-	(11.439.753.456)
Giá trị còn lại	23.662.434.779			39.005.915.750

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2025	13.505.103.193	2.101.157.221	15.606.260.414
Tại ngày 31/03/2026	13.505.103.193	2.101.157.221	15.606.260.414
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2025	5.771.728.143	-	5.771.728.143
Khấu hao trong năm	1.951.252.228	-	1.951.252.228
Tại ngày 31/03/2026	7.722.980.371	-	7.722.980.371
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2025	7.733.375.050	2.101.157.221	9.834.532.271
Tại ngày 31/03/2026	5.782.122.822	2.101.157.221	7.883.280.043

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.287.404.384 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2026 VND		Tại ngày 01/04/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Avu Pty Ltd	28.972.417.057	28.972.417.057	4.702.977.935	4.702.977.935
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	9.327.751.956	9.327.751.956	-	-
Các đối tượng khác (*)	48.743.675.791	48.743.675.791	26.390.338.106	26.390.338.106
Cộng	87.043.844.804	87.043.844.804	31.093.316.041	31.093.316.041

(*) Tại ngày 31/03/2026, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành	15.592.580.292	-
Công ty Cổ phần Cảng Long An	13.140.612.448	11.041.763.301
Các khách hàng khác (*)	11.929.113.854	11.847.605.067
Cộng	40.662.306.594	22.889.368.368

(*) Tại ngày 31/03/2026, mỗi khoản trả tiền trước từ các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số người mua trả tiền trước ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2026		Trong năm		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.270.677.449	79.373.729.869	77.189.718.751	-	2.085.688.128
Thuế xuất, nhập khẩu	-	404.158	184.405.377	186.296.434	-	2.295.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.267.294.036	7.504.119.625	4.945.952.315	-	2.709.126.726
Thuế thu nhập cá nhân	104.411.155	130.121.783	3.964.101.809	4.111.481.684	923.179	174.013.682
Các loại thuế khác	-	-	78.929.804	78.929.804	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	540.857.321	540.857.321	-	-
Cộng	104.411.155	9.668.497.426	91.646.143.805	87.053.236.309	923.179	4.971.123.751

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/03/2026		Trong năm		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay từ bên liên quan	-	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Vay từ các cá nhân	400.000.000	400.000.000	-	3.315.740.754	3.715.740.754	3.715.740.754
Vay ngân hàng	333.680.574.700	333.680.574.700	764.546.021.052	647.721.196.730	216.855.750.378	216.855.750.378
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	9.200.064.505	9.200.064.505	9.976.210.065	10.034.529.873	9.258.384.313	9.258.384.313
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	14.927.416.529	14.927.416.529	15.215.640.470	15.495.447.987	15.207.224.046	15.207.224.046
Cộng	358.208.055.734	358.208.055.734	789.737.871.587	684.366.915.344	252.837.099.491	252.837.099.491
Dài hạn:						
Vay từ cá nhân	4.822.563.140	4.822.563.140	9.622.563.140	5.000.000.000	200.000.000	200.000.000
Vay ngân hàng	30.386.276.926	30.386.276.926	10.988.653.203	10.034.571.758	29.432.195.481	29.432.195.481
Trừ vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	(9.200.022.620)	(9.200.022.620)	(9.976.210.065)	(10.034.571.758)	(9.258.384.313)	(9.258.384.313)
Nợ thuê tài chính	19.511.022.375	19.511.022.375	-	15.495.447.987	35.006.470.362	35.006.470.362
Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả	(14.927.416.529)	(14.927.416.529)	(15.215.640.470)	(15.495.447.987)	(15.207.224.046)	(15.207.224.046)
Cộng	30.592.423.292	30.592.423.292	(4.580.634.192)	5.000.000.000	40.173.057.484	40.173.057.484
Tổng cộng	388.800.479.026	388.800.479.026	785.157.237.395	689.366.915.344	293.010.156.975	293.010.156.975

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2026			Tại ngày 01/04/2025		
	VND			VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Thời hạn:						
Từ 1 năm trở xuống	14.927.416.529	994.732.740	13.932.683.789	15.207.224.046	2.350.549.322	12.856.674.724
Trên 1 năm đến 5 năm	4.583.605.846	75.323.945	4.508.281.902	19.799.246.316	1.209.349.971	18.589.896.345
Cộng	19.511.022.375	1.070.056.684	18.440.965.691	35.006.470.362	3.559.899.293	31.446.571.069

Khoản vay ngắn hạn từ cá nhân là khoản vay tín chấp bằng VND, có thời hạn không quá 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 7%/năm.

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay là 632 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 6,4%/năm đến 9%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 5.210.229.973 VND;
- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 520.830.191 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn từ cá nhân là các khoản vay tín chấp bằng VND, có thời hạn trên 12 tháng, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 8,5% đến 9,7%/năm.

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay 38,52 tỷ VND, có thời hạn từ 3 – 5 năm, mục đích vay dùng để dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,6%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 14.672.552.870 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 3 đến 4 năm, chịu lãi suất từ 6,9%/năm đến 10,92%/năm.

4.15. Vốn chủ sở hữu**4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/04/2024	135.146.800.000	-	9.945.289.372	827.593.625	145.919.682.997
Tăng vốn trong năm trước	4.018.000.000	-	-	-	4.018.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Lãi trong năm trước	-	-	4.115.838.260	206.269.094	4.322.107.354
Giảm do thanh lý giải thể công ty con	-	-	-	(241.086)	(241.086)
Tại ngày 01/04/2025	139.164.800.000	(30.000.000)	14.061.127.632	1.033.621.633	154.229.549.265
Lãi trong năm nay	-	-	11.559.029.804	(519.516.386)	11.039.513.418
Tại ngày 31/03/2026	139.164.800.000	(30.000.000)	25.620.157.436	514.105.248	165.269.062.684

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	23.171.780.000	22.910.780.000
Cổ đông khác	115.993.020.000	116.254.020.000
Cộng	139.164.800.000	139.164.800.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2026	Tại ngày 01/04/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.916.480	13.916.480
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.916.480	13.916.480
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.916.480	13.916.480

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	11.559.029.804	4.115.838.260
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.559.029.804	4.115.838.260
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	13.916.480	13.667.694
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	831	301

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/03/2026	Tại ngày 01/04/2025
Ngoại tệ các loại:		
USD	16.010,82	54.073,48

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông và cho thuê thiết bị trong năm. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan trong năm nay là 2.686.800.330 VND – Xem thêm Mục 8.

Mục 1.5 Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân doanh thu năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Là giá vốn của hoạt động tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông và cho thuê thiết bị trong năm, được chi tiết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hàng hóa, nguyên liệu	628.148.955.164	401.205.638.955
Chi phí nhân công	1.416.409.486	2.662.816.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.177.321.829	24.367.146.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.001.242.066	129.068.116.079
Chi phí khác bằng tiền	-	5.950.363
Cộng	763.743.928.545	557.309.667.707

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tăng cùng chiều với doanh thu trong năm.

5.3. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	21.587.403.566	23.624.237.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	321.516.389	5.245.310.320
Lỗ từ chuyển nhượng vốn	87.825.480	-
Lỗ từ thanh lý giải thể công ty con	-	59.616.830
Cộng	21.996.745.435	28.929.164.850

Trong đó, chi phí lãi vay từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

132.399.997 531.895.888

Chi phí tài chính năm nay giảm mạnh chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá từ các giao dịch ngoại tệ giảm.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	46.551.775.291	38.914.628.614
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng chi phí bảo hành	(1.582.300.975)	2.084.088.402
Chi phí pre-sales	286.755.715	211.144.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.044.804.231	7.902.759.817
Chi phí bằng tiền khác	3.967.255.959	2.645.561.328
Cộng	57.268.290.221	51.758.182.905

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	31.592.165.128	30.185.158.439
Chi phí vật liệu quản lý	1.355.442.860	1.421.280.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.138.792.712	8.623.443.402
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	13.679.619.809	(7.600.974.224)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.128.554.762	10.191.593.057
Chi phí bằng tiền khác	3.032.763.481	3.909.554.046
Cộng	68.927.338.752	46.730.055.241

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng đáng kể chủ yếu do Tập đoàn đã thực hiện trích lập chi phí dự phòng cho toàn bộ công nợ phải thu dài hạn từ Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng trụ sở Bộ Ngoại Giao.

5.6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	10.977.805.297	9.089.289.063
Khác	433.804.183	1.074.396.873
Cộng	11.411.609.480	10.163.685.936

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	627.001.065.736	401.205.638.955
Chi phí nhân công	79.509.734.905	71.762.603.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.316.114.541	32.990.589.514
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	13.679.619.809	(7.600.974.224)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.008.170.401	166.327.486.756
Chi phí khác bằng tiền	8.352.601.126	7.954.100.253
Cộng	909.867.306.518	672.639.444.505

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	783.534.674.254	576.938.410.194

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(672.855.726.603)	(597.538.670.017)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế.

Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Tập đoàn không thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý thành một khoản mục riêng biệt.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Công nghệ QI

Công ty liên kết

2. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	446.914.735	507.601.571
	Tại ngày 31/03/2026 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Cổ tức còn phải trả:		
Ông Đặng Nam Sơn	(47.637.750)	(47.637.750)

Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	2.686.800.330	1.956.552.000
	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	148.939.696	218.399.168
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	120.835.615	517.109.586
Ông Hoàng Mạnh Cường	11.564.382	14.786.302
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	132.399.997	531.895.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch HĐQT	690.023.809	710.190.000
Ông Đỗ Văn Hào	Phó Chủ tịch HĐQT	554.619.048	562.065.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	486.916.667	500.002.500
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên HĐQT	137.295.238	140.434.565
Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa	Thành viên HĐQT	136.095.238	140.434.565
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên HĐQT	1.455.170.000	1.871.894.231
Ông Nguyễn Xuân Trường	Tổng Giám đốc	1.182.203.043	1.106.682.692
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Tổng Giám đốc	839.666.667	1.178.201.923
Bà Tạ Thị Hồng Đào	Phó Tổng Giám đốc Điều hành (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)	1.011.155.072	910.541.667
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)	868.889.855	924.592.857
Ông Hoàng Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ (bổ nhiệm ngày 03/07/2025)	1.459.647.147	969.725.000
Ông Ngô Tiến Mạnh	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 01/08/2025)	847.383.333	828.044.231
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng BKS	177.533.333	162.125.000
Bà Đặng Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	301.049.783	146.925.000
Bà Trần Thị Mỹ Nhị	Thành viên BKS	61.371.429	72.400.000
Bà Ngô Lê Việt Anh	Kế toán trưởng	546.608.928	548.805.357
Cộng		10.755.628.590	10.773.064.588

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 3 đến 4 năm theo các hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 3 đến 4 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở Mục 4.14.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31/03/2026 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

